

Bản án số: 09/2018/DS-ST

Ngày: 06/3/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L X**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tường Vi

2. Ông Phạm Ngọc Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L X.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2017/TLST- DS ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số B, đường T, khóm T, phường M, thành phố L X, tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 24, Q C T, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (Theo giấy ủy quyền do Văn phòng Công chứng N, lập ngày 20/9/2017) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc V, sinh năm 1979; (có mặt).

Địa chỉ: Số 8, đường H, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai đề ngày 31/5/2017 và các lời khai tại tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C do ông Nguyễn Văn P đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Do quen biết nên ngày 01/3/2016, bà Nguyễn Thị C có cho bà Lê Thị Ngọc V vay số tiền 90.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 90 ngày. Bà Lê Thị Ngọc V viết biên nhận viết tay cùng ngày 01/3/2016 cho bà C giữ. Từ khi vay, bà V không trả vốn và lãi cho bà C.

Nay bà Nguyễn Thị C yêu cầu bà Lê Thị Ngọc V phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn là 90.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 01/3/2016 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

** Theo bản tự khai ghi ngày 03 tháng 11 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Ngọc V trình bày:*

Bà và bà Nguyễn Thị C quen biết nhau hơn 20 năm. Bà thừa nhận có vay tiền và có ký tên vào biên nhận ngày 01/3/2016, bà có ghi biên nhận cho bà C giữ như ông Nguyễn Văn P đại diện theo ủy quyền của bà C trình bày. Nhưng bà cho rằng, số tiền vay của biên nhận ngày 01/3/2016 là tiền bà V mượn dùm cho một người bạn là ông Nguyễn Hữu P. Số tiền bà V nhận của bà Chuyện thực tế là 30.000.000 đồng không phải là 90.000.000 đồng. Mục đích để ghi biên nhận nợ cao hơn số tiền thực tế mượn nợ là để làm căn cứ cho ông P biết bà V có vay tiền của bà C, đồng thời để bà V đòi ông P trả nợ cho bà. Sau khi vay, bà đã nhiều lần trả tiền lãi cho bà C được hơn 01 tháng với số tiền 300.000 đồng/ngày. Tổng cộng hơn 9.000.000 đồng, bà không nhớ con số chính xác.

Theo biên bản hòa giải ngày 23/11/2017 và ngày 25/12/2017. Bà V xác nhận còn nợ bà C số tiền là 90.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà Chuyện tiền vốn là 90.000.000 đồng và yêu cầu không tính lãi. Bà V xác định trong vụ án này không yêu cầu ông Nguyễn Hữu P có nghĩa vụ liên đới cùng bà trả nợ cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 90.000.000 đồng.

** Tại phiên tòa:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C do ông Nguyễn Văn P đại diện theo ủy quyền vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Lê Thị Ngọc V phải thanh toán trả cho bà C số tiền vốn vay là 90.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/3/2016 đến khi xét xử.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc V không đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền vốn là 90.000.000 đồng và lãi suất. Bà đồng ý trả cho bà C số tiền là 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

- Bà Nguyễn Thị C khởi kiện bà Lê Thị Ngọc V về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân thành phố L X theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Theo biên nhận vay tiền lập ngày 01/3/2016, bà C cho bà V vay số tiền 90.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất và phương thức trả nợ. Sau khi vay thì bà V không trả vốn và lãi cho bà C là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 31/5/2017 bà C khởi kiện yêu cầu bà V là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Bà V thừa nhận có xác lập biên nhận vay 90.000.000 đồng của bà C, thừa nhận có ký tên vào biên nhận, thể hiện bằng bản gốc của biên nhận lập ngày 01/3/2016 do ông Nguyễn Văn P đại diện theo ủy quyền của bà C giao nộp cho Tòa án. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận biên nhận vay tiền lập ngày 01/3/2016 là chứng cứ có thật.

Tòa án đã thông báo cho bà V giao nộp tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để chứng minh cho lời khai bà chỉ nhận của bà C 30.000.000 đồng nhưng bà V xác định không có và tại phiên tòa bà không cung cấp chứng cứ chứng minh trình bày của mình. Ngoài ra, từ các tài liệu, chứng cứ chứng minh khác có trong hồ sơ vụ án như biên nhận nợ ngày 01/3/2016, Tờ tự khai của bà Vân, Biên bản hòa giải ngày 23/11/2017 và ngày 25/12/2017 còn xác định bà V xác nhận có vay 90.000.000 đồng của bà C. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của bà V là chưa có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Bà V trình bày đã trả cho bà C 9.000.000 đồng tiền lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh, ông P đại diện theo ủy quyền của bà C xác định bà V chưa trả tiền lãi cho bà C nên trình bày của bà V là chưa có cơ sở để xem xét.

Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu bà V phải trả lại số tiền vốn gốc 90.000.000 đồng bà V đã vay của bà C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Bà C còn yêu cầu tính lãi đối với số nợ này theo quy định của pháp luật. Bà V xin xem xét không tính lãi.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, căn cứ vào khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2010 về lãi suất cơ bản là 9%/năm, Hội đồng xét xử điều chỉnh mức lãi suất:

Mức lãi suất được áp dụng tại thời điểm xét xử là lãi suất 0,75%/tháng (tức 0,025%/ngày) và được tính toán cụ thể như: Từ ngày 01/3/2016 đến ngày 06/3/2018 là 735 ngày. Như vậy, số tiền lãi mà bà V phải trả cho bà C như sau: $90.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\% \times 735 \text{ ngày} = 16.537.500 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi là: $90.000.000 \text{ đồng} + 16.537.500 \text{ đồng} = 106.537.500 \text{ đồng}$.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị Ngọc V phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị C tổng cộng số tiền gốc và lãi là 106.537.500 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị Ngọc V chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.326.875 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và bà C được nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

- Buộc bà Lê Thị Ngọc V phải trả cho bà Nguyễn Thị C tổng cộng số tiền gốc và lãi là 106.537.500 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị C được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018717 ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L X.

+ Bà Lê Thị Ngọc V chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.326.875 đồng.

- Về nghĩa vụ thi hành án:

+ Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

+ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (01);
- VKSND TP.L (02);
- THADS Tp.L (01);
- Các đương sự;
- Lưu VP (01);

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Huỳnh Bích Tuyền